TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH CB**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 02 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 giữa:

- Bà Trần Thị U - sinh năm 1983.

Địa chỉ: BS, Xã BĐ, huyện H, tỉnh CB.

- Ông Trần Ngọc H- Sinh năm 1975.

Địa chỉ: BS, Xã BĐ, huyện H, tỉnh CB.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị U - sinh năm 1983.

Địa chỉ: BS, Xã BĐ, huyện H, tỉnh CB.

- *Bị đơn:* Trần Ngọc H- Sinh năm 1975.

Địa chỉ: BS, Xã BĐ, huyện H, tỉnh CB.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị U và ông Trần Ngọc H.

- Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận quá trình chung sống có 01 con chung là Trần Chiếu Y – sinh 23/12/2003. Hai bên đương sự thống nhất sau khi ly hôn bà Trần Thị U là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông Trần Ngọc H có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/tháng *(Một triệu đồng trên tháng)* cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 01/2020.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị U và ông Trần Ngọc H mỗi người phải nộp 75.000 đồng *(Bẩy mươi năm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm giải quyết ly hôn để sung công quỹ nhà nU, nhưng bà U tự nguyện nộp thay ông H 75.000 đồng *(Bẩy mươi năm nghìn đồng)* tiền án phí. Tổng cộng số tiền án phí dân sự sơ thẩm giải quyết ly hôn bà U phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Bà U cũng tự nguyện nộp thay cho ông H án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà U đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0001360 ngày 03/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Đương sự*
- *TAND Tỉnh;*
- *VKSND H;*
- *T.H.A.Dân sự H;*
- *UBND xã Xã BĐ, H*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nông Công Hưng